

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AUTO CHÂU Á**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AUTO CHÂU Á

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ASIA AUTO TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109098473

**3. Ngày thành lập:** 24/02/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 67 Đặng Thùy Trâm, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                            | 2610        |
| 2.  | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác                | 2930        |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                    | 4652        |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>( trừ đầu giá)                                 | 4511        |
| 5.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                           | 4512        |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>( trừ đầu giá)                                   | 4513        |
| 7.  | Bán mô tô, xe máy                                                                     | 4541        |
| 8.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                   | 4542        |
| 9.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                        | 4520(Chính) |
| 10. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>( trừ đầu giá)  | 4530        |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                    | 4649        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                | 4653        |
| 13. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                          | 4661        |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                       | 4659        |
| 15. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>( trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu) | 4662        |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                               | 4663        |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                     | 4669        |

|     |                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                   | 4690 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                            | 7020 |
| 20. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu                                                                                                             | 7490 |
| 21. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4730 |
| 22. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4741 |
| 23. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                           | 4742 |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                | 4752 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                 | 4931 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                      | 4933 |
| 27. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                              | 7710 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>(loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, loại trừ hoạt động đấu giá tài sản, loại trừ dịch vụ lấy lại tài sản ) | 8299 |
| 29. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa ( trừ đấu giá)                                                                                                  | 4610 |
| 30. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                          | 3312 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                              | 3314 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                          | 9512 |
| 33. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy ( trừ đấu giá)                                                                                                                | 4543 |
| 34. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                 | 4651 |
| 35. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet ( trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                            | 4791 |
| 36. | Xuất bản phần mềm<br>( trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                           | 5820 |
| 37. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                               | 6201 |
| 38. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                 | 6202 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                     | 6209 |
| 40. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                  | 6311 |
| 41. | Quảng cáo                                                                                                                                                                           | 7310 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.200.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 120.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG | Tổ 23, Phường Cẩm Thạch, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 6.000      | 60.000.000            | 5,000     | 100983140                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số                   | 6.000      | 60.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | KIỀU DUY TÚ          | Xóm Bắc Bé, Xã Yên Ninh, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 96.000     | 960.000.000           | 80,000    | 091549574                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số                   | 96.000     | 960.000.000           | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                           |                           |       |            |       |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|-------|--------------|
| 3 | NGUYỄN NGỌC NAM | Số 532 Lê Thanh nghị, Phường Lê Thanh Nghi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 6.000 | 60.000.000 | 5,000 | 030087009075 |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Tổng số                   | 6.000 | 60.000.000 | 5,000 |              |
| 4 | VŨ VĂN HIỆU     | Đội 8, Xóm Lạc, Xã Giao Châu, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 6.000 | 60.000.000 | 5,000 | 163111707    |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Tổng số                   | 6.000 | 60.000.000 | 5,000 |              |
| 5 | NGUYỄN THỊ HUỆ  | Thôn Đồng Tâm, Xã An Đồng, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 6.000 | 60.000.000 | 5,000 | 152142038    |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                           | Tổng số                   | 6.000 | 60.000.000 | 5,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: KIỀU DUY TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 091549574

Ngày cấp: 27/12/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Bắc Bé, Xã Yên Ninh, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Bắc Bé, Xã Yên Ninh, Huyện Phú Lương, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội